

PHAN KẾ BÌNH

VIỆT
NAM
PHONG
TỤC



vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tài liệu chỉ xem được một số trang c

VIỆT NAM PHONG TỤC

Tài

PHAN KẾ BÌNH

VIỆT NAM PHONG TỤC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Việt Nam Phong Tục đề cập đến nền văn minh nước nhà. Tác giả là Phan Kế Bính, người mà ta có thể nói là một học giả uyên bác, sống từ cuối thế kỷ thứ 19 qua những năm đầu thế kỷ thứ 20, nhờ vậy thấy sự xáo trộn của đất nước, khi tiếp xúc với văn minh Phương Tây. Kinh tế thay đổi thì phong tục phải thay đổi. Ông viết nhiều bài ngắn đăng từng kỳ trên **Đông Dương Tạp Chí**, vào năm 1913 - 1914, tính đến nay đã non 80 năm! Đức tính lớn của ông là biết nhiều nhưng viết ngắn gọn, không thêm thắt, cường điệu, lấy sự sống còn của dân tộc làm đường lối cơ bản.

Thái độ ấy thật khách quan, khoa học. Trước khi muốn gìn giữ hoặc đả phá, một thói quen, ông cố trình bày cặn kẽ cho người đọc am tường, sau đó ông đưa ý kiến riêng, không phải là vô trách nhiệm, công kích chỉ vì chưa hiểu cặn kẽ sự thật. Sự góp ý của ông rất chân thành, khác với phong cách ăn nói đao to búa lớn của kẻ chạy theo thời trang, công kích để mà công kích, cho thiên hạ thấy ta là người tiến bộ.

Qua những đoạn ngắn, súc tích, tác giả đã đề cập khá đầy đủ về phong tục trong gia tộc, thôn xóm, trong xã hội. Tệ đơan lớn nhất thời phong kiến vẫn là tục lệ

"xôi thịt", tranh giành nhau từng tấc, từng ly về thể diện, vì nhờ thể diện mà người ta được thêm ít nhiều xôi, thịt. Ngày xưa lại chuộng hình thức đạo đức giả, thí dụ như lúc ma chay, con cháu thi nhau khóc để cho họ hàng chòm xóm nghe thấy, về thực chất là "che mắt thế gian". Tác giả mô tả tẻ đoan đồng bóng, cầu hồn khá tỉ mỉ, để rồi đả phá. Đến các thầy phù thủy, tác giả viết: "Than ôi, đạo phù thủy cũng là đạo đồng cốt; còn thịnh hành ngày nào thì dân trí còn ngu xuẩn ngày ấy". Về việc cầu cơ bút, xin xăm, tác giả tỏ ra khách quan: "Cách đoán thẻ cũng như cách đoán thơ tiên, lắm câu viển vông mà về sau cũng có khi linh nghiệm". Lại đề cập đến cách phát âm để khẳng định tính thống nhất của dân tộc ta. Người ở Bắc, ở Nam nghe một hai tiếng thì có thể khó hiểu, nhưng nghe cả câu thì rõ ràng là dễ hiểu.

Việt Nam Phong Tục là tư liệu cần thiết để suy cổ nghiệm kim. Mong rằng khi xếp sách lại, người đọc sẽ thấy toát lên yêu thiên nhiên, tình đoàn kết giữa người trong một nước. Muốn cho một nếp suy nghĩ trở thành phong tục, phải kinh qua thời gian dài. Và muốn đả phá một tục lệ hủ lậu, cũng phải kiên trì, cương quyết. Vào những năm cuối thế kỷ mà đọc lại những ghi nhận của một học giả từ hồi đầu thế kỷ thật là bổ ích và thích thú. Quả thật Phan Kế Bính là một nho sĩ không chịu đứng về phía bảo thủ.

NHÀ XUẤT BẢN

NÓI VỀ PHONG TỤC TRONG GIA TỘC

I. CHA MẸ VỚI CON

Cha mẹ - Hai tiếng cha mẹ, nước ta mỗi nơi gọi cũng hơi khác nhau: Nơi thì gọi là *Bố* là *Đẻ*, nơi thì gọi là *Thầy* là *U*. Về đường ngược (Hưng Hóa) thì gọi mẹ là *Bầm*, về đường trong thì gọi là *Bu*. Nam kỳ thì gọi cha là *Tía*, gọi mẹ là *Má*. Ở đây bây giờ lại nhiều người cho con gọi cha là *Ba*, gọi mẹ là *Mẹ*. Còn các nhà hiếm hoi thì chẳng cứ gì, người thì cho con gọi là *Chú Thím*, người thì cho con gọi là *Anh Chị*, *Cậu Mợ*. Ngày xưa lại có tiếng gọi mẹ là *Cái* nữa, tiếng ấy thì bây giờ không đâu dùng.

Sinh con - Đàn bà có mang ai cũng muốn sinh con trai mà ít người muốn sinh con gái. Hàng xóm bà con nghe thấy sinh con trai thì mừng. Trong khi có mang, váng đầu, đau mình gọi là *ốm nghén*; hay thèm ăn của chua của chát, gọi là *ăn dở*. Đến lúc sinh sản, mời bà tẩm đến đỡ, con xỏ ra rồi thì cắt rốn chôn nhau. Chôn phải sâu, nếu chôn nông thì con hay trở; mà phải tránh chỗ giọt gianh kéo về sau con chốc đầu loét mắt.

Người mẹ thì phải kiêng khem gió máy, phải nằm than. Ăn cơm chỉ ăn muối trắng hấp hay là nước mắm chưng, vài ba hôm mới dám ăn đến thịt. *Đây cũ* (con trai

bảy ngày, con gái chín ngày) xông muối xoa nghệ rồi mới ra đến ngoài.

Nhà nghèo nuôi con lấy, nhà giàu nuôi vú cho con. Có người cho vú đem về nhà nuôi. Cho bú độ ba, bốn tháng thì cho ăn cơm và vẫn cho bú đến ba, bốn tuổi mới thôi.

Con nhà nào ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng biết lò cò chạy chơi, là hợp vào ca thì dễ nuôi mà mai sau làm nên người.

Tục ta hỏi thăm nhau để con trai hay là con gái, người có chữ thường nói *lộng chương hay lộng ngoã* (nghĩa là chơi ngọc hay chơi ngói). Điển ấy do ở Kinh Thi: Sinh con trai thì quý hóa mà cho chơi bằng hạt ngọc, sinh con gái thì khinh bỉ mà cho chơi bằng hòn ngói. Lại có người hỏi *huyền hồ hay là huyền cân* (nghĩa là treo cung hay là treo khăn mặt). Điển ấy cũng do tục Tàu: Để con trai treo cái cung ngoài cửa, mà để con gái thì treo cái khăn mặt. Ta dùng điển mà hỏi thăm, chớ không có tục ấy.

Cúng mụ - Trong sách "*Bắc hộ lục*" có nói rằng: Tục Lĩnh Nam nhà giàu để con được ba ngày, hoặc đầy tháng, thì tắm cho con, làm một bữa tiệc, gọi là đoàn du phạm (nghĩa là bữa cơm tròn trặn trơn tru). Sách "*Vân đài loại ngữ*" của ông Lê Quý Đôn thì nói rằng: Tục nước ta, để con được ba ngày, làm vài mâm cỗ cúng mụ.. Đến hôm đầy tháng, hôm một trăm ngày, hôm đầy tuổi tôi, đều có làm cỗ cúng gia tiên, bày tiệc ăn mừng. Bà con, người quen thuộc, dùng thơ, câu đối, đồ chơi, đồ quần áo trẻ để mừng nhau. Mà nhất là tiệc một trăm ngày là tiệc *đầy tuổi* tôi to hơn cả.

Cứ như tục thành phố Hà Nội bây giờ thì để con ra đây cũ đây thàng, đây tuổi tôi, mới làm cỗ cúng mụ. Trong lễ cúng thì dùng mười hai đôi hài, mười hai miếng trầu, cua, ốc, nham, bánh đúc v.v... Vì ta tin rằng có mười hai bà mụ nặn ra người.

Thử con - Tàu có tục để con đầy một năm thì làm tiệc thử con. Hôm ấy tắm rửa cho con sạch sẽ, mặc quần áo mới, con trai thì bày đồ cung tên, bút giấy; con gái thì bày đồ kim, chỉ, dao, kéo. Lại bày những đồ chơi quý báu ở trước mặt đứa trẻ để thử nghiệm xem nó tham liêm ngu trí làm sao, chữ gọi là *tiệc thí nhi* (thử trẻ). Các nhà đại gia ở ta cũng theo dùng tục ấy, nhưng chỉ bày ít món để ấn triện, cung tên, bút mực, cày bừa, gọi là trong bốn món văn, vũ, canh, độc, để nghiệm đứa trẻ mai sau làm nghề gì mà thôi.

Thuật kiêng giữ - Con nhà nào sinh phải giờ con sát, hay phải giờ kim xà thiết tỏa, sợ mai sau khó nuôi thì cúng đổi giờ. Nhà nào sinh con muộn hẳn sợ khó nuôi thì làm lễ bán cửa tỉnh hoặc cửa chùa nào cho làm con Thánh con Phật gọi là *bán khoán*. Bán cho cửa tỉnh thờ Đức Thánh Trần, thì đổi họ gọi là họ Trần, bán cho cửa nhà chùa thì đổi họ là họ Mâu, đến mười hai tuổi mới làm lễ mà chuộc về làm con mình.

Đưa con cho người khác bế, không được đưa qua cửa, sợ mai sau nó đi ăn cắp ăn trộm. Âm con đi đâu, phải bôi ít nhọ chảo trên trán, hoặc cầm con dao, cái kéo hay là chiếc đũa đi theo, kéo sợ người ta quở quang.

Con hay khóc đêm, gọi là *dạ đề*, thì mượn một người khác họ lấy cái cọc chuồng lợn ném xuống gầm giường thì khỏi khóc. Có người lạ vào, con khóc mãi không thôi

thì lấy một bó lửa ném vào trước mặt người ta thì con thôi khóc.

Con ngủ lý không dậy, lấy vài cái tóc mai của người ngoài phẩy vào miệng đứa trẻ thì khỏi.

Con hay trốn, lấy nước lòng đò cho uống thì khỏi.

Con nấc, lấy ngọn lá trầu không dán vào chỗ trán cho nó. Con ngủ giật mình, luộc một cái trứng gà, con trai thì cắt làm bảy miếng, con gái thì cắt làm chín miếng, và bảy hay là chín nắm cơm, hú vía cho nó rồi cho nó ăn thì nó khỏi sợ.

Con đau bụng khóc lắm, mượn người nhỏ bèo (nhỏ cục tóc trên đầu) cho mẹ nó thì khỏi.

Con lồi rốn, mượn kẻ ăn mày cầm gậy chọc vào rốn thì khỏi.

Con chơi phải chỗ cỏ ngứa, nổi mẩn tịt cả mình mấy gọi là *ma tịt*, thì giải một cái nón mê, tể bảy hoặc chín miếng trầu lá lốt cúng ông Cầu bà Quán cho nó thì khỏi.

Con lên đậu, ngoài cửa ngõ treo một bó vàng và trồng một cây lá ráy vào một cái nồi đất ở trước cửa, hoặc cài một cành kinh giới để giữ cho con được bình yên.

Con hắt hơi, thì nói: "*Sống lâu, trăm tuổi, già đâu, thương thọ*" để chúc thọ cho con.

Con quặt quà quặt quẹo thì bế đứa con đưa qua cái săng người già chết thì nó được sống lâu.

Cách đặt tên - Con mới sinh ra thì thường gọi là thằng đỏ con đỏ, ở nhà quê thì thường gọi là thằng cu con dĩ, ở về vùng Thanh Nghệ thì thường gọi là thằng cò cái hĩm, chớ không mấy người mới sinh ra đã đặt tên. Đặt tên thì nhà thường dân hay bạ tên gì đặt tên ấy, hay lấy vần hoặc lấy nghĩa gần nhau với tên cha mẹ mà đặt. Ví

như cha mẹ là Lân thì đặt là Thần, cha mẹ là Nhặng thì con đặt là Nhố, hoặc cha mẹ là Đào thì đặt con là Mận, cha mẹ là Sung thì con đặt là Vả v.v..... Kể hiếm hoi thì thường lấy tên xấu xí mà đặt cho con, như gọi là thằng Cún (con chó cún) thằng Đực (chó đực) v.v..... Nhà có học thì thường kiếm những tên đẹp để đặt cho con, mà nhứt là hay tìm từng bộ chữ nho. Ví như người thì dùng toàn một bộ chữ Ngọc như anh là Hoàng thì em là Hành, là Cư, là Vũ; người thì dùng toàn một bộ chữ Thủy như anh là Giang thì em là Hoài, là Hà, là Tế v.v.....

Cho con đi học - Nhà nho gia cho con độ năm, sáu tuổi, nhà thường dân con độ mười một, mười hai tuổi thì cho con đi học. Người biết chữ thì dạy lấy, hoặc mời ông thầy trong làng. Lúc mới học phải biền lễ trầu, rượu hoặc con gà ván xôi, để ông thầy làm lễ Thánh sư, rồi dạy vỡ lòng cho con dăm ba chữ hoặc bảy tám chữ, dần dần mới lại kén thầy mà học rộng mãi ra. Con gái thì ít người cho đi học, mà có cho đi học, đủ biên sổ sách và biết tính toán mà thôi. Về phần nhà nghèo thì con lên bảy, tám tuổi còn phải ở nhà bông em làm đỡ cho cha mẹ, chín, mười tuổi đã phải tập nghề làm ăn, không mấy nhà cho đi học.

Lo lắng cho con - Con độ mười bốn, mười lăm tuổi trở lên, cha mẹ đã đem lòng lo bề gia thất, con trai thì mong dựng vợ, con gái thì mong gả chồng. Xong việc vợ chồng thì lo đến cách lập thân cho con, ngân nào lo phường lo trưởng, lo nhiều lo xã, cho con bằng mày bằng mặt với làng nước; ngân nào lo sinh cơ lập nghiệp cho con mai sau có chỗ nương nhờ. Nước ta lắm người đẻ nhiều con, thì phải lo hết con này đến con khác, có người lo cả đời.

Xét cái tục ta, sinh con ra ai cũng biết thương, biết mến, biết chăm chỉ nuôi nấng, dạy dỗ cho con nên người, nưng như nưng trứng, húng như húng hoa, thực là hết lòng hết dạ. Loài người cũng nhờ có tánh ấy mà bảo tồn được chủng loại cho mỗi ngày một sinh sôi nảy nở thêm ra, thì lòng nhân từ ấy rất là hay lắm. Nhưng chỉ hiềm ta khi xưa chưa hiểu cách vệ sinh trong khi sinh sản, nào nằm than, uống nước tiểu, rất là một cách làm cho sinh bệnh, không trách đàn bà ta nhiều người hay sinh ra hậu sản mà ốm mòn. Đến lúc nuôi con, thì lại hay tin những điều nhảm nhí, không có bực triết học nào mà triết hết được những sự huyền hão ấy. Cho đi học, không có quy củ cách thức nào, còn phần nhiều thì học năm mười năm mà dốt vẫn hoàn dốt, cho nên trong nước một trăm người mới được một hai người biết chữ, cũng chỉ vì cách dạy dỗ không tiên liệu đầy thôi.

Đến lúc con lớn thì lại lo thay cho con quá. Mà nào lo có ra lo, lo những ngôi thứ trong làng, lo những danh phận vô ích. Chớ nào có lo cho nên một bậc người gì, hay là thành được một nghề gì đâu. Cái lo lằng ấy, hử sinh ra lười biếng, hay ăn chơi. Cho nên lắm người, đời cha mẹ hàn gấm chất chiu, làm nên giàu có, mà đến đời con thì chỉ ăn chơi chỉ phá, chẳng bao lâu mà lại hết nhẵn như không.

Cứ như *Âu châu*, khi sinh sản, các bà đỡ, cô đỡ chuyên môn đến đỡ, có thuốc có thang, ăn uống sạch sẽ. Khi còn thơ ấu, nuôi nấng có điều có độ, từ lúc cho bú, lúc cho ngủ, lúc cho chơi cũng có thì giờ, thực là hợp với cách vệ sinh. Khi biết học thì cho vào trường học, dạy dỗ

có thứ tự, có khuôn phép. Đến lúc khôn lớn, mặc ý cho mà lập thân, không cần gì phải lo lắng thay cho nữa. Bởi vậy con ít tật bệnh, mà nhiều người thông thái, lại gây cái tính tự lập cho con.

Ít lâu nay ta cũng đã nhiều người nhiễm theo thói Âu châu, trong cách sinh sản, nuôi nấng, cũng đã đổi bỏ thói cũ có lẽ về sau cũng theo nhau mà đổi được hết.

II. ANH EM, CHỊ EM

Nghĩa anh em - Anh em cùng cha cùng mẹ đẻ ra, gọi là anh em đồng bào, anh em cùng cha khác mẹ gọi là anh em dị bào, nhưng tổng chi gọi là anh em ruột cả, còn anh em cùng mẹ khác cha thì gọi là anh em đồng mẫu dị phụ, anh em ấy không thân thiết gì mấy, cũng như người ngoài mà thôi.

Anh em cùng một mẹ đẻ sinh ra, thì cứ theo thứ tự đẻ trước là anh, đẻ sau là em. Nhiều mẹ đẻ ra thì con vợ cả là anh, con vợ lẽ là em, không cứ gì nhiều tuổi ít tuổi. Cũng có nhà lấy vợ hầu trước, dù có đẻ con cũng không được là con cả, khi nào kén được người chính thất, đẻ con mới là con cả, cũng có nhà thì bất cứ vợ nào, hễ đẻ trước gọi là anh, đẻ sau gọi là em.

Anh em cốt lấy tình thân ái làm đầu, lá lành đùm lá rách, bênh vực giúp đỡ lẫn nhau. Ta vẫn thường cho anh em ăn chung ở lộn với nhau, hòa mục với nhau là cách vui vẻ là nhà có phúc. Nhưng thường tình thì anh em phương trưởng, phận ai người nấy lo. Nhà phong phú thì cha mẹ lập cho con một cơ nghiệp,

nhà tâm thường thì ai phải lo thân người ấy, có tư cấp ít nhiều, chớ không mấy người ôm ấp đùm bọc lấy nhau được mãi.

Quyền lợi - Người anh cả có quyền hơn cả các người em. Cha mất rồi thì người anh là người thay mặt cho cha mà trông nom các em. Em còn thơ bé thì anh phải nuôi nấng, rồi phải lo dựng vợ, gả chồng cho em nữa, gọi là quyền huynh thế phụ. Gia sản cha mẹ để lại, cũng người anh cả được hưởng phần lợi hơn mà công việc trong nhà như là ma chay giỗ tết, người anh cả phải chịu phần nặng.

Nhưng cũng có khi người con út được hưởng phần lợi của cha mẹ để lại nhiều hơn các anh. Vì là anh trước đã đâu yên phận đó, còn em út ở với cha mẹ, rồi thì thừa hưởng cái cơ nghiệp ấy. Cho nên có câu tục ngữ rằng "*Giàu con út, khó con út, trút sạch cửa nhà*".

Câu chuyện khuyên anh em thân nhau - Tục ta có một câu chuyện gọi là chuyện giết chó khuyên chồng: Xưa có một người chồng chơi bời thân thích với một người bạn, nay chè mai chén, ngày kia thuốc phiện, chỉ chơi với bạn mà không biết em là đâu. Người vợ khuyên can mãi chồng mà không được. Mới nghĩ ra một kế: một hôm người vợ giết một con chó cạo lông cho trắng trẻo, để trong xó nhà tối. Chồng đi chơi về khuya. Vợ nói dối rằng: Hôm nay nhỡ đánh chết một đứa trẻ, để giấu trong buồng, làm thế nào bây giờ? Chồng sợ mất vía, vào xó buồng xem, quả nhiên có một đứa trẻ nằm đó. Chồng bảo gọi em để nhờ em chôn cho. Vợ nói: Xưa nay chàng chơi thiết với người bạn, không tưởng đến chú nó, bây giờ có nạn sao nó chịu giúp mình, bất nhọc nhờ người anh em còn hơn. Chồng nghe lời, cho

mời bạn đến, nói chuyện đầu đuôi rồi nhờ bạn chôn hộ cho. Người bạn chôn xong, sáng mai lập tức đi báo quan để lấy công. Anh ta lại chỉ dẫn cho quan về tận nơi mà khám. Quan đào lên thì là con chó. Hỏi ra thì người vợ thuật chuyện mà nói cái mưu kế của mình cho quan nghe. Chồng từ đó chán người bạn mà thân với em. Câu chuyện tuy tầm thường, nhưng cũng làm được cái gương cho anh em.

Chị em, chị em dâu, anh em rể - Chị em ở với nhau, cũng có tình thân ái như anh em, có câu rằng: "*em ngā chị nâng, chị ngā em nâng*", ấy là thường tình của người ta. Còn về phần anh em rể, chị em dâu, thì không được thương nhau mấy. Trừ ra nhà có giáo dục, biết lấy lễ nhượng ăn ở với nhau. Còn phần nhiều là hay khùng khỉnh với nhau lắm. Có câu rằng: "*yêu nhau chị em gái, khái nhau chị em dâu, đánh nhau vợ đầu là anh em rể*", tục ấy cũng là một tục xấu.

Anh em, chị em ở trong nhà lũng củng, gọi là gia đình bất mục. Nhiều người vì một chút lợi gia sản của cha mẹ, đến nỗi xâu xé nhau đem nhau đi kiện, làm cho tàn gia bại sản. Thậm chí có nhà cha mẹ chết, quàn ma lại một chỗ để tranh hương hỏa, chờ cho quan xử đoán xong rồi mới cất ma. Tục ấy gọi là đòi phong bại tục, nhà nào suy đốn mới có anh em, chị em như thế.

*

Anh em chị em là bát máu sẻ đôi, tình thân thiết hơn cả người khác. Trong cách ăn ở, phải yêu mến nhau. Mà muốn cho được hòa mục mãi mãi thì lại cốt lấy chữ

nhấn làm đầu, nghĩa là nhường nhịn nhau, đầu có kẻ ngang trái, cũng nhịn đi, rồi sẽ lấy lời khôn lẽ phải mà khuyên bảo nhau thì không bao giờ đến nỗi khích bác nhau, mặt lảng mảy vục với nhau, mà trong nhà vẫn được vui vẻ, cha mẹ cũng được thỏa lòng.

Nhưng cũng chớ nên mong nhờ lẫn nhau, mong nhờ nhau là một thói ỷ lại, không biết quý sự tự lập, thì là làm cho hư mất nết người. Đã đành anh em nghĩa nên cứu giúp nhau, nhưng cũng phải nghĩ kế tự lập mới được. Chớ cứ ăn không ngồi rồi rượu chè cờ bạc để chắc trông cậy về anh em chị em thì là một tính cách rất đê tiện, làm hại lây cho người có chí mà thôi.

III. THÂN THUỘC

Danh hiệu - Trên cha mẹ thì có *ông bà*, gọi là tổ phụ mẫu; trên ông bà là *cụ*, gọi là tăng tổ phụ mẫu; trên cụ là *kì*, gọi là cao tổ phụ mẫu; còn nữa thì gọi chung là cao cao tổ, mãi đến thủy tổ là cùng.

Dưới mình là *con*, dưới con là *cháu*, dưới cháu là *chất* gọi là tăng tôn, dưới chất là *chút*, gọi là huyền tôn. Còn ở dưới nữa, *tổng* chi gọi là viễn tôn. Tự cao tổ cho đến viễn tôn gọi là cửu tộc. Trong cửu tộc chia ra năm bậc để trở, gọi là ngũ phục. Ngũ phục là:

- 1- Trở *ba năm*, gọi là đại tang,
- 2- Trở *một năm*, gọi là cơ niên,
- 3- Trở *chín tháng*, gọi là đại công,
- 4- Trở *năm tháng*, gọi là tiểu công,

5- Trở *ba tháng*, gọi là ti ma.

Trong ngũ phục tùy theo tình thân sơ bên nội, bên ngoại mà gia giảm (kể rõ trong các sách gia lễ).

Anh em trai với cha gọi là bác là chú, chữ gọi là bá phụ thúc phụ. Chị em gái với cha gọi là cô, chữ gọi là cô mẫu. Anh em với mẹ gọi là cậu (cữu). Chị em gái với mẹ gọi là dì (di). Anh em con chú, con bác, gọi là tòng huynh đệ. Anh em con cô, con cậu hay là đôi con dì, tồng chi gọi là biểu huynh đệ.

Anh em thúc bá về dòng cha là họ nội. Anh em di cữu về dòng mẹ là họ ngoại.

Tiếng gọi ông bà... ở về Nam Kỳ có tiếng gọi thế cho khi vắng mặt. Như ông gọi ổng, bà gọi bả, cậu gọi là cẩu, mợ gọi là mớ, thầy gọi là thầy, cô gọi là cô, anh gọi là ảnh, chị gọi là chỉ. Tiếng ấy có lẽ tiện hơn là gọi ông ấy, bà ấy... Nhưng là tiếng gọi tình sơ, chớ không phải tiếng gọi quý trọng.

Luân thường - Trong cùng một họ nội không được phép lấy nhau. Nếu lấy nhau là *loạn luân*, luật có phép cấm, mà tục cũng chê cười. Phép này từ ông Châu Công đời nhà Chu (bên Tàu đặt ra mà tuân giữ rất nghiêm cần). Duy về đời nhà Trần thì trong tôn thất thường có lấy nhau, không biết khi đó nước ta có luật cấm chưa, hay là vì cố gì, nhưng tiên nho vẫn chê về điều ấy.

Họ ngoại thì con cô con cậu hay là đôi con dì cũng không được phép lấy nhau. Có câu nói rằng: "*Cháu cậu mà lấy cháu cô, thóc lúa đầy bồ giống má nhà ta*".

Một người có thể lấy được hai chị em một nhà hay là hai cô cháu một nhà. Tục này khác với tục Âu châu đã lấy một người thì không được phép lấy chị em cô cháu

người ấy nữa. Nếu lấy nhau là loạn luân, coi như lấy người cùng họ của ta.

Tình thân sơ - Trong tình thân sơ dưới bậc cha thì là chú, dưới bậc mẹ thì là dì. Có câu rằng: "*Sảy cha còn chú, sảy mẹ bú dì*". Thường ở khất khe với nhau là mẹ chồng với nàng dâu và dì ghẻ với con chồng. Cho nên có câu khuyên nàng dâu rằng: "*mẹ chồng già thì mẹ chồng chết, nàng dâu có nét nàng dâu chừa*" và có câu rằng: "*Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời dì ghẻ có thương con chồng*".

*

Trong thân thuộc là một gia tộc. Góp nhiều gia tộc này gia tộc khác mới thành ra nước, thành xã hội. Vậy thì hợp lại mà nói thì là một nước, phân ra mà nói thì là từng gia tộc một. Gia tộc tức là một đoàn thể nhỏ ở trong đoàn thể lớn vậy. Người ta đối với xã hội có cái nghĩa vụ chung, thì đối với gia tộc cũng phải có cái nghĩa vụ riêng. Nghĩa vụ riêng là gì? Là cách cư xử trong gia đình. Ở trên kính dưới nhường, ở cho trong ấm ngoài êm là đủ. Nghĩa là trong họ hàng chỉ cốt lấy hòa mục làm đầu mà thôi.

Cách dựng gia tộc của ta cũng là một phong tục hay. Vì có nghĩa gia tộc thì người ta mới biết quý trọng cái thân mình để phụng sự tổ tông và khiến cho người ta phải lo lắng để di truyền cho con cháu. Ai cũng mong cho con cháu khá thì ai cũng phải làm trọn cái nghĩa vụ của mình, đem mồ hôi nước mắt ra mà gây dựng cho kẻ

mai sau; rồi thành ra mở núi phá rừng, sinh công nghiệp cũng bởi đó mà ra cả.

Vậy thì do một đoàn thể nhỏ mà gây ra một đoàn thể lớn, do một gia tộc bé mà thành ra một dân tộc to, thực là một cái gốc của xã hội.

Nhưng có một điều là ta thường cho gia đình được quây quần với nhau là quý thì nghĩa khí hẹp. Người ta phải trọng sự lập thân, dẫu kẻ Nam người Bắc cũng không có hề gì. Nếu quanh năm khư khư bó chân trong nhà, động đi đâu thì sợ xa cha mẹ, xa cửa xa nhà, xa anh xa em, xa vợ xa con thì sao cho mở mang được tai mắt mà thêm khôn ngoan ra được. Ta cũng vì tục ấy mà nhiều người kiến thức hẹp hòi, không bằng được người các nước vậy.

Thời này càng đi được nhiều nơi xa thì càng trải biết, càng khôn ngoan. Có khôn ngoan thì mới đứng được với đời. Vậy thì giá có thể đi đâu được cũng nên đi, chớ không nên quản xa xôi gì hết.

IV. PHỤNG SỰ TỔ TÔNG

Nhà thờ - Bao nhiêu con cháu dòng dõi trong một họ lập chung một nhà thờ Thủy Tổ, gọi là *mổ tộc* (Trần tộc, Nguyễn tộc v.v.....) *từ đường*. Nhà thờ ấy chỉ thờ riêng một Thủy Tổ, và khi tế tự thì lấy các tổ tông biệt chi, biệt phái mà phối hưởng. Có họ không có nhà thờ thì xây một cái bàn lộ thiên, dựng bia đá ghi tên thụ hiệu các tổ tiên để khi tế tự thì ra tại đó mà tế. Có họ thì làm nhà thờ để cho chi trưởng nam đời đời giữ

hương hỏa, chi trưởng tuyệt thì mới truyền sang chi thứ. Có họ thì con cháu luân lưu thờ tổ ở nhà riêng của mình.

Những họ về chi khác, cũng có nhà thờ tổ tông trong bản chi, gọi là *bản chi từ đường*.

Nhà phú quý có gia từ, phụng thờ cao, tầng, tổ, khảo tại chính bàn giữa, còn đôi bên bàn cạnh nhà thì thờ Thổ công, Táo quân, Nghệ sư, nhà thì thờ Bà Cô, Ông Mãnh v.v.....

Nhà thường dân không có nhà thờ riêng thì thờ tại nhà mình ở. Dẫu nghèo cũng có một bàn thờ.

Đồ thờ - Nhà thờ Thủy Tổ có riêng một thần chủ, để thờ mãi mãi, không bao giờ thay đổi, gọi là "*bách thế đất diêu chi chủ*". Còn về gia từ, nhà phú quý có đủ thần chủ bốn đời, để thờ cao, tầng, tổ, khảo. Thần chủ làm bằng gỗ táo, lấy nghĩa rằng gỗ táo sống lâu được nghìn năm. Dài độ một thước, ở giữa đề tên, họ, chức tước và hai bên thì đề ngày tháng sinh tử của tổ tiên, có hộp vuông che kín và để trong lòng khám, khi nào cúng tế mới mở ra. Hễ đến năm đời thì lại đem thần chủ cao tổ đi mà nhắc lần tầng, tổ, khảo lên 'bực trên, rồi đem ông mới mất mà thế vào thần chủ ông khảo gọi là "*ngũ đại mai thân chủ*". Nhà thường dân cũng có nhà dùng thần chủ, cũng có nhà chỉ dùng một bộ ỷ để thờ. Đồ thờ phụng thì đại khái nhà nào cũng có một bộ đèn nến, lư hương, bình hoa, mâm quỳ, mâm bông, cổ đài rượu, hộp giầu, đài nước v.v... Người thì dùng đồ đồng đồ thiếc, người thì dùng đồ sơn son thếp vàng thếp bạc. Nhà nào giàu có treo hoành biển khắc ba, bốn chữ đại tự và treo kèm đôi liễn đôi bên bàn thờ, hoặc khám trai, hoặc sơn

thếp. Nhà không có cũng treo hoành biển và đôi liễn dán giấy. Đại ý trong chữ thì chỉ là ghi tụng công đức của tổ tông.

Đồ thờ phụng, càng nhà giàu thì càng trang hoàng nhiều đồ quý, mà nghèo đến đâu cũng có được một vài cây đèn nến sơn son và một cái bình hương.

Ta coi đồ thờ tự là đồ rất kính trọng, không ai dám đem cầm đem bán bao giờ. Nếu nhà nào nghèo quá phải cầm bán thì ai cũng chê cười.

Gia phả - Nhà thờ nào cũng có cuốn sổ ghi chép theo thứ trước sau và họ tên chức tước ngày tháng sinh tử của tổ tông và người trong nhà, gọi là gia phả. Gia phả thường dùng bằng giấy sắc, viết tinh tả, nghĩa là lấy lòng kính trọng mà thờ tổ tiên vậy.

Nhà đại gia thì gia phả ghi chép cả công nghiệp sự trạng của tổ tông, mả táng tại đâu cũng có ghi vào quyển gia phả, tức như một quyển sử ký trong nhà.

Gia phả để tại nhà thờ, cũng có nhà in ra phát cho mỗi chi một bản để cho con cháu được biết sự tích của tổ tông.

Ruộng kỵ - Một họ hoặc một chi, đã có nhà thờ thì có ruộng kỵ. Ruộng kỵ ấy là hương hỏa của tổ tông để lại hay là trong họ chung nhau mà tậu, hay là của người trong họ cúng để lấy hoa lợi mà chi về việc tế tự. Có họ, người con gái đi lấy chồng, không có con, cúng tiền cúng ruộng về họ để mai hậu họ nhận lấy ruộng ấy làm ruộng kỵ, rồi cũng phải thờ phụng người ấy vào trong nhà thờ. Họ nào không có ruộng kỵ thì mỗi kỳ cúng tế, phải đóng tiền góp gạo với nhau.

Tế Thủy Tổ - Mỗi năm về ngày húy nhật ông Thủy